

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CẦN THƠ**



BÁO CÁO TÓM TẮT KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ

(Để đăng ký kiểm định chất lượng giáo dục trường đại học)

Cần Thơ, tháng 08 năm 2017

PHẦN I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Đảm bảo chất lượng (ĐBCL) là hoạt động quan trọng của Trường Đại học Cần Thơ (ĐHCT). Trường ĐHCT triển khai tự đánh giá (TĐG) chất lượng trường nhằm thực hiện quy định pháp luật về quy trình và chu kỳ kiểm định chất lượng (KĐCL) giáo dục trường đại học. Trường thực hiện TĐG (giai đoạn 2012-2016) nhằm tự rà soát, xem xét toàn diện các mặt hoạt động để phát hiện điểm mạnh, điểm tồn tại, thực hiện kế hoạch cải tiến chất lượng; trên cơ sở đó, có điều chỉnh mục tiêu, lựa chọn giải pháp phát triển một cách phù hợp; đăng ký đánh giá ngoài bởi tổ chức KĐCL giáo dục; thể hiện tính tự chủ, trách nhiệm giải trình đối với các hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học (NCKH) và phục vụ xã hội.

PHẦN II. GIỚI THIỆU KHÁI QUÁT VỀ TRƯỜNG VÀ QUÁ TRÌNH TỰ ĐÁNH GIÁ

1. Giới thiệu khái quát về Trường

Trường ĐHCT được thành lập ngày 31/03/1966 với tên gọi ban đầu là Viện ĐHCT, là trường công lập đa ngành và trọng điểm trực thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo (GD&ĐT) ở vùng Đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL), là thành viên của tổ chức AUN (từ tháng 07/2013). Hoạt động duy trì và cải tiến chất lượng theo hướng tiếp cận chuẩn mực chất lượng quốc gia và quốc tế là chủ trương nhất quán của Trường. Năm 2009, Trường đã được Hội đồng quốc gia kiểm định chất lượng giáo dục thẩm định kết quả và công nhận chất lượng với số phiếu tán thành đạt tỷ lệ 92,86%. Năm 2016, QS University Rankings Asia xếp hạng Trường trong nhóm 251-300 trường đại học hàng đầu Châu Á. Trong 5 năm qua, Trường được xếp trong nhóm 4 trường hàng đầu của các trường đại học Việt Nam (Webometrics xếp hạng).

Trường đã tuyên bố sứ mạng, tầm nhìn và xác định mục tiêu phát triển của Trường đến 2022. Cơ cấu tổ chức của Trường gồm Hiệu trưởng và 05 Phó Hiệu trưởng; các hội đồng tư vấn cho Hiệu trưởng gồm Hội đồng Khoa học và Đào tạo (KH&ĐT), Hội đồng ĐBCL, và các hội đồng khác; 21 đơn vị đào tạo và nghiên cứu; 19 đơn vị chức năng; 15 đơn vị sản xuất-dịch vụ; tổ chức Đảng và 05 đoàn thể; hệ thống tổ chức ĐBCL bên trong gồm cấp trường và cấp đơn vị trực thuộc.

Đội ngũ cán bộ của Trường có đủ số lượng và năng lực đáp ứng yêu cầu công tác. Trường có 1.978 công chức, viên chức và người lao động, số giảng viên (GV) cơ hữu là 1.161 người với tỷ lệ có trình độ sau đại học là 90,9% (đào tạo ngoài nước chiếm 48,4%). Trường đã xây dựng được thực hiện Vị trí việc làm

Hoạt động quản lý Hoạt động quản lý của Trường được thực hiện trên cơ sở lập kế hoạch (dài hạn, trung hạn và hằng năm), tổ chức phân công và phối hợp thực hiện kế hoạch, chỉ đạo - lãnh đạo, kiểm tra, giám sát và đánh giá quá trình

thực hiện. Quá trình quản lý có sự điều chỉnh phù hợp. Trường tăng cường phân cấp và ủy quyền quản lý rõ ràng giúp công việc được tiến hành chủ động, thuận lợi và đảm bảo tính trách nhiệm. Quản lý chất lượng giáo dục được thực hiện theo chu trình PDCA.

Trường có 136 chương trình đào tạo (CTĐT) đào tạo các trình độ: đại học (77 CTĐT), thạc sĩ (42 CTĐT), tiến sĩ (16 CTĐT), được xây dựng theo quy định của Bộ GD&ĐT; trong đó, có đào tạo trình độ đại học theo hình thức vừa làm vừa học (VLVH) và từ xa. Trường có 02 CTĐT tiên tiến, 02 CTĐT chất lượng cao, 03 CTĐT đạt chuẩn chất lượng AUN-QA. Trường đã đa dạng hình thức đào tạo; chuyển đổi quy trình đào tạo sang học chế tín chỉ từ năm học 2007-2008 triển khai; trao đổi tín chỉ trong AUN từ năm 2014; thực hiện áp dụng (phương pháp giảng dạy) PPGD tích cực, đánh giá người học theo quá trình; có đủ cơ sở dữ liệu (CSDL) về hoạt động đào tạo, tình hình sinh viên tốt nghiệp (SVTN)

Trường có 58.135 người học thuộc tất cả trình độ và hình thức đào tạo và có hệ thống quy định và tổ chức đảm bảo quản lý và phục vụ người học. Người học được thông tin đầy đủ, kịp thời các quy định về đào tạo; đảm bảo thụ hưởng các chính sách xã hội, khám và chăm sóc sức khỏe; tạo điều kiện sinh hoạt, rèn luyện, tham gia các hoạt động trao đổi học thuật và giao lưu quốc tế; đánh giá giảng dạy học phần và CTĐT. SVTN có khả năng tìm việc làm cao (đạt tỷ lệ 88,6% năm 2016).

Hoạt động NCKH của Trường được thực hiện theo các chương trình nghiên cứu ưu tiên với 1.269 nhiệm vụ khoa học và công nghệ (KH&CN) các cấp đã được thực hiện, 398 bài báo khoa học được công bố trong ISI có đóng góp mới cho khoa học và có giá trị ứng dụng thực tiễn. Nguồn thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ (GCN) của Trường cao hơn kinh phí dành cho hoạt động này.

Hoạt động hợp tác quốc tế (HTQT) là thế mạnh, giúp tăng cường năng lực đào tạo, NCKH, uy tín quốc tế và đào tạo nhân lực của Trường. Có 1.003 lượt cán bộ được cử đi đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn và nghiên cứu ngắn hạn, trên 400 lượt người học tham gia các hoạt động trao đổi và học tập ngắn hạn quốc tế. Kinh phí viện trợ, tài trợ ước tính đạt 129,2 tỷ đồng.

Cơ sở vật chất (CSVCh), kết cấu hạ tầng và điều kiện làm việc của Trường đáp ứng tốt yêu cầu giảng dạy, học tập, NCKH và sinh hoạt đa dạng với 04 cơ sở chính có tổng diện tích đất và cây xanh hơn 218 héc-ta cùng hệ thống thư viện hiện đại, nhà học, phòng thí nghiệm (PTN), phòng làm việc, nhà thi đấu, các khu sinh hoạt văn thể và ký túc xá (KTX),... đạt được một số tiêu chuẩn, quy định của Việt Nam. Các biện pháp bảo vệ tài sản, đảm bảo an toàn, trật tự hiệu quả đã tạo môi trường phù hợp cho học tập, làm việc, sáng tạo và sinh hoạt.

Trường là đơn vị tự đảm bảo một phần chi phí hoạt động thường xuyên; có

nguồn tài chính ổn định, đảm bảo được yêu cầu chi tiêu và ĐBCL cho các hoạt động (năm 2016, thu 572,257 tỷ đồng, chi 521,8 tỷ đồng). Trường đã từng bước chủ động đa dạng nguồn thu nhập (tỷ lệ hợp đồng đào tạo, NCKH và dịch vụ, nguồn khác chiếm 26,2%) đảm bảo ổn định tài chính cho sự phát triển. Riêng nguồn tài chính từ Dự án Nâng cấp Trường ĐHCT giai đoạn 2015-2022, và Dự án Hỗ trợ Kỹ thuật “Tăng cường năng lực Trường ĐHCT thành trường đại học xuất sắc về đào tạo, NCKH và CGCN” giai đoạn 2016-2021 là hơn 2.324 tỷ đồng.

Những thành tựu nổi bật của Trường là nhận được Huân chương Lao động hạng Nhất (2016) của Chủ tịch nước và nhiều bằng khen của các Bộ trưởng và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh.

2. Quá trình triển khai tự đánh giá

Hiệu trưởng ra Quyết định số 1160/QĐ-ĐHCT ngày 14/07/2017 về việc tổ chức thực hiện KĐCL giáo dục Trường ĐHCT, thành lập Hội đồng TĐG Trường, Ban Thư ký và các Nhóm chuyên trách. Hoạt động TĐG được thực hiện theo Kế hoạch số 699/KH-ĐHCT-ĐBCL&KT ngày 17/04/2017 với các giai đoạn:

- Giai đoạn 1 (ngày 10-22/04/2017): Ban hành các văn bản về tổ chức thực hiện TĐG và triển khai tổ chức thực hiện TĐG.

- Giai đoạn 2 (ngày 24-28/04/2017): Rà soát Báo cáo TĐG (được thực hiện ở năm 2016) và thông tin, minh chứng.

- Giai đoạn 3 (ngày 03-12/05/2017): Cập nhật, bổ sung nội dung Báo cáo TĐG và thông tin, minh chứng.

- Giai đoạn 4 (ngày 15-19/05/2017): Tổng hợp nội dung Báo cáo TĐG và thông tin, minh chứng.

- Giai đoạn 5 (ngày 29/05-02/06/2017): Hội đồng TĐG đọc góp ý Báo cáo TĐG, thông tin, minh chứng.

- Giai đoạn 6 (ngày 05-09/06/2017): Hoàn thiện Báo cáo TĐG và thông tin, minh chứng.

- Giai đoạn 7 (ngày 12-14/06/2017): Hội đồng TĐG và Hiệu trưởng thông qua Báo cáo TĐG và thông tin, minh chứng; công bố Báo cáo TĐG và thông tin, minh chứng đã được thông qua.

- Giai đoạn 8 (tháng 07/2017): Gửi Báo cáo TĐG, thông tin, minh chứng cho tổ chức KĐCL giáo dục.

PHẦN III. TỰ ĐÁNH GIÁ

Tiêu chuẩn 1: Sứ mệnh và mục tiêu của trường đại học (2 tiêu chí)

a) Điểm mạnh

Sứ mệnh của Trường thể hiện được lý do tồn tại, các cam kết quan trọng mang tính khả thi; phù hợp chức năng, nhiệm vụ và trên cơ sở điều kiện thực tế; phù hợp và gắn kết với các chiến lược phát triển của Trường, của vùng ĐBSCL và

của quốc gia. Mục tiêu rõ ràng, khả thi và phù hợp mục tiêu đào tạo đại học và sứ mệnh của Trường; được xây dựng trên cơ sở có sự đồng thuận; được phổ biến rộng rãi; được cụ thể hóa trong các kế hoạch chiến lược và tác nghiệp.

b) Tồn tại

Sứ mệnh chỉ nhận được ý kiến đóng góp từ bên liên quan (BLQ) ngoài trường là thành viên Hội đồng KH&ĐT. Hoạt động rà soát, bổ sung và điều chỉnh mục tiêu được thực hiện chưa theo chu kỳ.

c) Kế hoạch hành động

Từ năm học 2017-2018, Trường xây dựng kế hoạch thu thập thông tin và đánh giá sự phù hợp giữa mục tiêu với sứ mạng.

Số tiêu chí đạt: 2/2; số tiêu chí chưa đạt: 0/2

Tiêu chuẩn 2: Tổ chức và quản lý (7 tiêu chí)

a) Điểm mạnh

Cơ cấu tổ chức của Trường thực hiện đúng quy định, phù hợp với tình hình thực tế của Trường, linh hoạt, có sự phối hợp và phát huy lợi thế của một trường đa ngành, khai thác và sử dụng hiệu quả các nguồn lực; có sự chuyên môn hóa và tiêu chuẩn hóa tạo sự thuận tiện trong hoạt động. Trường đã xây dựng và ban hành hệ thống văn bản đáp ứng được yêu cầu tổ chức và quản lý hoạt động cũng như để xác định trách nhiệm. Các văn bản và thông tin hoạt động được phổ biến trên trang thông tin điện tử của Trường, bảo đảm sự công khai minh bạch. Nhiệm vụ, quyền hạn của từng cá nhân, đơn vị được phân định rõ ràng bằng văn bản, giúp tăng cường tính chủ động và trách nhiệm hơn trong thực hiện công việc. Hoạt động của các đoàn thể được thực hiện theo quy định của pháp luật, đảm bảo sự phối hợp chặt chẽ dưới sự lãnh đạo của Đảng; trực tiếp góp phần thực hiện nhiệm vụ, đặc biệt là các nhiệm vụ chuyên môn của Trường. Trường có bộ phận chuyên trách và các bộ phận hỗ trợ thực hiện ĐBCL với đội ngũ cán bộ được tập huấn và có đủ năng lực đáp ứng tốt yêu cầu duy trì và cải tiến chất lượng. Trường có các kế phát triển dài hạn, kế hoạch tác nghiệp phù hợp định hướng phát triển của Trường, chiến lược phát triển giáo dục đại học (GDĐH) của quốc gia cũng như tình hình KT-XH của vùng ĐBSCL và cả nước; có biện pháp giám sát, đánh giá việc thực hiện kế hoạch. Trường thực hiện các báo cáo định kỳ đúng quy định; có quy chế rõ ràng về thực hiện công tác lưu trữ văn bản.

b) Tồn tại

Trường chỉ mới thành lập Ban chỉ đạo để chuẩn bị cho việc thành lập Hội đồng Trường. Văn bản quản lý điều hành đôi lúc chưa theo kịp thực tiễn công việc ở một số nội dung. Hoạt động hỗ trợ SV trong học tập và sinh hoạt của một số chi đoàn chưa đạt hiệu quả cao. Số lượng cán bộ được đào tạo chuyên sâu về ĐBCL

còn hạn chế. Chưa thực hiện thường xuyên việc rà soát, đánh giá toàn diện chiến lược phát triển.

c) Kế hoạch hành động

Từ năm học 2017-2018, Trường phối hợp với các đơn vị chức năng của Bộ GD&ĐT để sớm thành lập Hội đồng Trường; tiếp tục kiện toàn cơ cấu tổ chức trong nhiệm kỳ mới; rà soát và ban hành kịp thời các văn bản quản lý điều hành và tiếp tục tin học hóa công tác này; tiếp tục thực hiện Đề án vị trí việc làm, phân công nhiệm vụ phù hợp cho một số vị trí công tác; tiến hành đánh giá hiệu quả thực hiện Đề án nhằm làm cơ sở hoàn thiện; Đoàn Thanh niên và Hội sinh viên cùng phối hợp để nâng cao hiệu quả hỗ trợ SV trong học tập và sinh hoạt nhất là ở những chi đoàn chưa mạnh; xây dựng kế hoạch và thực hiện việc rà soát, đánh giá toàn diện chiến lược phát triển để kịp thời điều chỉnh phù hợp với những thay đổi nhanh của tình hình kinh tế - xã hội (KT – XH) và xu hướng phát triển giáo dục của thế giới; có phương thức tiếp nhận ý kiến của các Bộ/Ngành, địa phương,... trong lập, thực hiện, đánh giá và điều chỉnh kế hoạch phát triển Trường; tăng cường theo dõi và cập nhật liên tục thông tin từ cơ quan chủ quản và các cơ quan quản lý để kịp thời thực hiện chế độ báo cáo theo quy định.

Số tiêu chí đạt yêu cầu: 7/7; số tiêu chí chưa đạt: 0/7

Tiêu chuẩn 3: Chương trình đào tạo (6 tiêu chí)

a) Điểm mạnh

Trường đã xây dựng quy trình, hướng dẫn rõ ràng các bước xây dựng CTĐT phù hợp quy định của Bộ GD&ĐT. Quá trình xây dựng CTĐT có tham khảo các CTĐT tương đồng của các trường uy tín cũng như có tiếp thu ý kiến của nhà khoa học, GV, nhà quản lý của đơn vị, người tốt nghiệp; được hội đồng Khoa/Viện/Bộ môn thẩm định nguồn lực và hội đồng thẩm định CTĐT thông qua. CTĐT có mục tiêu rõ ràng, cụ thể, cấu trúc hợp lý, được thiết kế một cách hệ thống, đáp ứng yêu cầu về chuẩn kiến thức, kỹ năng của trình độ đào tạo, đáp ứng linh hoạt nhu cầu nhân lực của thị trường lao động. CTĐT được thiết kế đúng theo các quy định; vận hành theo học chế tín chỉ, có tính linh hoạt, mềm dẻo; đáp ứng được các yêu cầu về kiến thức, kỹ năng và thái độ cho người tốt nghiệp. Trường đảm bảo các điều kiện tổ chức CTĐT chính quy và giáo dục thường xuyên. Trường có quy định và thực hiện việc rà soát, cập nhật và điều chỉnh CTĐT sát với thực tiễn, phù hợp với nhu cầu thị trường và định hướng hội nhập quốc tế. Ý kiến phản hồi từ các BLQ trong và ngoài trường được tham khảo để điều chỉnh CTĐT định kỳ. CTĐT được thiết kế có sử dụng được các học phần giữa các ngành trong cùng trình độ đào tạo, sự chia sẻ đội ngũ GV, CSVC, trang thiết bị của một trường tổ chức đào tạo đa ngành, đa lĩnh vực. Trường xây dựng được số lượng lớn CTĐT trình độ

thạc sĩ tương ứng với các CTĐT trình độ đại học giúp người học có điều kiện nâng cao trình độ học thuật và chuyên môn. Các quy định của Trường tạo điều kiện thuận lợi cho người học trong việc liên thông và học tập nâng cao, công nhận tín chỉ của các trường trong nước khi người học chuyển trường, liên thông, học bằng hai. Trường cũng tham gia Hệ thống trao đổi tín chỉ giữa các trường đại học thuộc AUN (ACTS) từ năm 2014. Trường tổ chức đánh giá định kỳ CTĐT bằng nhiều hình thức.

b) Tồn tại

Sự tham gia xây dựng CTĐT của các BLQ trước khi có quy định chi tiết về mở ngành của Bộ GD&ĐT còn hạn chế. Một số ngành đào tạo được mở trước ngày 01/6/2015 chưa khảo sát đánh giá mức độ đáp ứng linh hoạt nhu cầu nhân lực của thị trường lao động. Trường chưa khảo sát, đánh giá về mức độ phù hợp của CTĐT chính quy khi áp dụng cho đối tượng người học ở hình thức giáo dục thường xuyên. Nhà tuyển dụng, các tổ chức khác tham gia góp ý bổ sung, điều chỉnh CTĐT chưa được đa dạng về đối tượng. Công tác thu thập, xử lý và lưu trữ các góp ý bổ sung, điều chỉnh CTĐT của đại diện các nhà tuyển dụng, các tổ chức chưa được tổ chức có hệ thống và khai thác hiệu quả. Trường chưa thực hiện được việc trao đổi tín chỉ với nhiều trường đại học trong nước. Đến thời điểm hiện tại, Trường chưa thực hiện kiểm định và kiểm định nội bộ tất cả các CTĐT. Một số yêu cầu cải tiến chưa thực hiện được do nguồn lực có hạn.

c) Kế hoạch hành động

Từ năm học 2017-2018, Trường tiếp tục xây dựng và cập nhật thông tin liên lạc của các BLQ, nhằm chủ động thông tin và tham vấn kịp thời tới các BLQ để họ tham gia hiệu quả và thường xuyên vào tiến trình cải tiến CTĐT đã được xây dựng trước đây và xây dựng CTĐT mới; tiếp tục thực hiện việc điều chỉnh, cập nhật CTĐT định kỳ, đảm bảo CTĐT được xây dựng đúng theo quy định mới và đáp ứng kịp thời nhu cầu nhân lực của thị trường lao động; bổ sung các nội dung đào tạo giúp người học trang bị kỹ năng khởi nghiệp; khảo sát, đánh giá về mức độ phù hợp của CTĐT chính quy để điều chỉnh cho phù hợp với đối tượng người học ở hình thức giáo dục thường xuyên; ban hành các hướng dẫn việc thu thập, xử lý, lưu trữ, khai thác hiệu quả các ý kiến phản hồi từ các nhà tuyển dụng lao động và các tổ chức vào việc bổ sung, điều chỉnh CTĐT; mở rộng liên thông giữa các CTĐT trong và ngoài Trường; tăng cường hợp tác trao đổi và công nhận tín chỉ với các trường đại học trong nước; tiếp tục duy trì đánh giá định kỳ các CTĐT và thực hiện việc cải tiến dựa trên kết quả đánh giá.

Số tiêu chí đạt yêu cầu: 6/6; số tiêu chí chưa đạt yêu cầu: 0/6

Tiêu chuẩn 4: Hoạt động đào tạo (7 tiêu chí)

a) Điểm mạnh

Trường có nhiều hình thức đào tạo, đáp ứng yêu cầu học tập của người học, tối ưu hóa nguồn lực thông qua việc sử dụng chung CTĐT và lực lượng GV giảng dạy cho các hình thức đào tạo. Đặc biệt, Trường có các CTĐT liên kết quốc tế, CTĐT quốc tế, và CTĐT quốc tế cùng cấp bằng. Trường đã sớm hoàn thành việc chuyển đổi quy trình đào tạo, công nhận kết quả học tập của người học theo học chế niên chế sang học chế tín chỉ. Trường có kế hoạch và phương pháp đánh giá hợp lý các hoạt động giảng dạy của GV. Phương pháp dạy và học, đánh giá kết quả học tập và hướng dẫn người học tự học được quy định trong đề cương chi tiết học phần và được thông tin đến người học. Người học được tham gia đánh giá phương pháp giảng dạy (PPGD) của GV phụ trách lớp học phần mình tham dự và kết quả đánh giá, được thông tin tới GV và lãnh đạo đơn vị đào tạo làm cơ sở điều chỉnh hoạt động và nội dung giảng dạy. Trường thực hiện công tác đánh giá kết quả của người học theo tiến trình; quy định rõ ràng về phương pháp, quy trình, thang điểm, công tác giám sát hoạt động kiểm tra đánh giá; có hệ thống đánh giá và ghi nhận được tiến trình và mức độ tích lũy của người học. Bên cạnh đó, người học được tham gia giám sát quá trình đánh giá. Kết quả học tập được công bố kịp thời cho người học; được lưu trữ đầy đủ, chính xác và an toàn tại các đơn vị quản lý theo quy định và trong CSDL hệ thống phần mềm quản lý trực tuyến của Trường đã đồng thời tạo điều kiện thuận lợi cho việc tra cứu, kiểm tra đối chiếu và phân cấp quản lý. Văn bằng, chứng chỉ được cấp đúng quy định và được công bố trên trang thông tin điện tử của Trường. Trường có hệ thống phần mềm quản lý trực tuyến tốt với CSDL được cập nhật bổ sung thường xuyên và đầy đủ về các hoạt động đào tạo, tình hình SVTN và việc làm sau khi tốt nghiệp... Hệ thống phần mềm quản lý trực tuyến và CSDL được thường xuyên cập nhật, bổ sung và nâng cấp chức năng để đáp ứng sự thay đổi trong quản lý đào tạo. Trường có kế hoạch và thực hiện nhiều phương thức khảo sát và tiếp thu ý kiến phản hồi của NSDLĐ và SVTN về chất lượng đào tạo; điều chỉnh hoạt động đào tạo đảm bảo chất lượng và ngày càng phù hợp với yêu cầu của xã hội.

b) Tồn tại

Trường chưa ứng dụng rộng rãi hình thức giảng dạy trực tuyến đối với đào tạo từ xa; số lượng CTĐT chất lượng cao, CTĐT theo hình thức liên kết quốc tế và đào tạo quốc tế còn ít. Trường chưa thực hiện đánh giá hiệu quả của việc cải tiến PPGD của GV dựa vào ý kiến phản hồi của người học; chưa tổ chức đánh giá hoạt động giảng dạy của GV đối với hình thức giáo dục thường xuyên. Một số học phần chưa được GV công bố kết quả đánh giá theo đúng kế hoạch do GV bị động trong kế hoạch công tác. Cơ sở dữ liệu về tình hình việc làm và thu nhập của

người học sau khi tốt nghiệp còn hạn chế do các khảo sát quy mô lớn mới chỉ được thực hiện từ năm 2016. Công tác xây dựng hệ thống thông tin liên lạc với cựu SV chưa tốt. Trường chưa tổ chức khảo sát được ý kiến của NSDLĐ đối với tất cả các ngành.

c) Kế hoạch hành động

Từ năm học 2017-2018, Trường tiếp tục duy trì sự đa dạng và chất lượng của các hình thức đào tạo hiện có, phát triển hạ tầng và học liệu cho hình thức giảng dạy trực tuyến; đặc biệt chú trọng phát triển CTĐT chất lượng cao, đào tạo liên kết quốc tế và đào tạo quốc tế đối với các lĩnh vực thế mạnh. Trường tiếp tục phát huy, nghiên cứu các thực hành tiên tiến về áp dụng học chế tín chỉ của các trường trong và ngoài nước nhằm tạo sự linh hoạt hơn nữa cho người học và nâng cao chất lượng.

Từ năm học 2017-2018, Trường thực hiện đánh giá hiệu quả của việc cải tiến PPGD của GV dựa vào ý kiến phản hồi của người học và yêu cầu chuyên môn; triển khai đánh giá hoạt động giảng dạy của GV đối với hình thức giáo dục thường xuyên; tiếp tục các hoạt động và hỗ trợ GV đổi mới PPGD và đánh giá kết quả học tập, và người học nâng cao năng lực tự học, tự nghiên cứu và hội nhập; tiếp tục công tác giám sát và có biện pháp khắc phục đối với các học phần không được đánh giá theo đúng kế hoạch; tiếp tục cải tiến công tác thông tin và lưu trữ kết quả học tập của người học, nghiên cứu khai thác hiệu quả kết quả học tập của người học phục vụ công tác đào tạo; hoàn thiện quy trình và đa dạng phương thức thu thập và xây dựng CSDL tình hình việc làm và thu nhập của người học sau khi tốt nghiệp; tiếp tục phát triển hệ thống thông tin liên lạc với cựu SV, NSDLĐ và cải thiện phương thức khảo sát cho tất cả các ngành học để có căn cứ đánh giá chất lượng đào tạo đối với người học sau khi ra trường và tiếp thu đề xuất nhằm điều chỉnh hoạt động đào tạo.

Số tiêu chí đạt yêu cầu: 7/7; số tiêu chí chưa đạt yêu cầu: 0/7

Tiêu chuẩn 5: Đội ngũ cán bộ quản lý, giảng viên và nhân viên (8 tiêu chí).

a) Điểm mạnh

Trường thực hiện công tác tuyển dụng, bồi dưỡng, phát triển đội ngũ cán bộ quản lý, GV và nhân viên theo đúng quy hoạch và đúng kế hoạch. Cán bộ được tuyển dụng và bổ nhiệm đáp ứng mục tiêu và chức năng, nhiệm vụ phát triển đội ngũ của Trường. Trường có quy định về tiến trình phấn đấu nâng cao trình độ đối với GV, chính sách thúc đẩy và hỗ trợ học tập nâng cao trình độ của GV. Công tác tuyển dụng được thực hiện công khai, công bằng, minh bạch và đơn vị sử dụng lao động đóng vai trò quan trọng. Trường có các quy định đảm bảo và phát huy dân

chủ trong mọi hoạt động. Các chủ trương, chính sách liên quan đến sự phát triển Trường, liên quan đến cán bộ, GV và nhân viên đều có sự đóng góp trí tuệ của tập thể. Trường có chính sách, biện pháp cụ thể tạo điều kiện cho đội ngũ cán bộ quản lý và GV tham gia các hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ và NCKH, đặc biệt là ở ngoài nước góp phần nâng cao năng lực, tìm kiếm cơ hội hợp tác trong giảng dạy, NCKH và công bố khoa học. Đội ngũ cán bộ quản lý của Trường có phẩm chất đạo đức, năng lực quản lý chuyên môn, nghiệp vụ và hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Trường có đủ số lượng GV, GV có trình độ sau đại học cao (90,9%) đáp ứng hoạt động đào tạo và NCKH; có tỷ lệ trung bình SV/GV quy đổi tốt hơn so với quy định. Trường có đội ngũ GV đạt trình độ chuẩn của nhà giáo theo quy định; được phân công giảng dạy theo chuyên môn được đào tạo; đảm bảo cơ cấu chuyên môn và trình độ theo quy định. Phần lớn GV có trình độ ngoại ngữ, tin học đáp ứng yêu cầu trong giảng dạy và NCKH. Đội ngũ GV cân bằng về kinh nghiệm công tác chuyên môn, độ tuổi, được trẻ hóa và đảm bảo tính kế thừa. Trường có đội ngũ chuyên viên, kỹ thuật viên, nhân viên đáp ứng đủ số lượng và năng lực thực hiện nhiệm vụ được giao; thường xuyên được đào tạo, bồi dưỡng về chuyên môn nghiệp vụ.

b) Tồn tại

Trường còn 32 GV (chiếm 2,7%) chưa tham gia học sau đại học. Một bộ phận viên chức chưa chủ động đóng góp ý kiến cho các hoạt động của Trường. Số lượng GV tham gia chương trình trao đổi chuyên môn, NCKH và thỉnh giảng với các viện/trường ngoài nước chưa đồng đều ở các đơn vị. Phần lớn cán bộ quản lý là GV và GV kiêm nhiệm chỉ được bồi dưỡng bổ sung kiến thức về công tác quản lý nên còn thiếu tính chuyên nghiệp trong quản lý. Tỷ lệ SV/GV tuy đảm bảo tỷ lệ quy chuẩn theo quy định nhưng chưa thể hiện tính giảm dần qua các năm. Tỷ lệ GV đạt trình độ tiến sĩ còn thấp ở một số ngành. Cơ cấu độ tuổi và thâm niên công tác của đội ngũ GV chưa cân đối ở một vài đơn vị. Một số ít nhân viên phục vụ do nhiều lý do chưa đáp ứng yêu cầu công việc.

c) Kế hoạch hành động

Từ năm học 2017-2018, Trường tiếp tục thực hiện đào tạo nâng cao trình độ GV, sắp xếp và phân công lại nhiệm vụ cho phù hợp đối với các trường hợp GV có trình độ đại học không thể học sau đại học; thực hiện vận động và tạo điều kiện thuận tiện, để cán bộ, GV và nhân viên tích cực đóng góp ý kiến cho các hoạt động của Trường; phát huy quyền và năng lực làm chủ của mình.

Trường tiếp tục đẩy mạnh hợp tác với các đối tác trong và ngoài nước có thế mạnh về lĩnh vực mà Trường đang quan tâm để tạo điều kiện cho đội ngũ GV và viên chức quản lý tham gia các hoạt động trao đổi kinh nghiệm, phát triển chuyên môn, nghiệp vụ trong và ngoài nước; cử cán bộ đang làm công tác quản lý tham

gia các khóa học nâng cao về quản lý và quản trị đại học thông qua các chương trình hợp tác, đề án, dự án,... để nâng cao hơn năng lực quản lý; tăng cường công tác nâng cao trình độ của đội ngũ GV, đặc biệt là trình độ tiến sĩ và chức danh khoa học.

Từ năm học 2017-2018, Trường tiếp tục ưu tiên đào tạo GV đạt trình độ tiến sĩ cho các ngành có tỷ lệ tiến sĩ chưa cao, đào tạo tiến sĩ ngoài nước; tuyển mới GV có trình độ tiến sĩ; đào tạo và tuyển dụng GV để đảm bảo cân bằng cơ cấu về thâm niên và trình độ chuyên môn đối với các đơn vị chưa đảm bảo yêu cầu; tổ chức các lớp bồi dưỡng, nâng cao nghiệp vụ cho đội ngũ nhân viên phục vụ.

Số tiêu chí đạt yêu cầu: 8/8; số tiêu chí chưa đạt yêu cầu: 0/8

Tiêu chuẩn 6: Người học (9 tiêu chí)

a) Điểm mạnh

Trường có quy định, có kế hoạch thực hiện, tạo điều kiện thuận lợi để người học tiếp cận thông tin cũng như hướng dẫn đầy đủ người học về CTĐT, kiểm tra đánh giá và Quy chế đào tạo bằng nhiều hình thức từ đầu khóa học và trong quá trình học tập; đặc biệt, Trường ứng dụng và có hệ thống (công nghệ thông tin) CNTT mạnh làm tăng hiệu quả phổ biến, hướng dẫn thông tin về CTĐT và Quy chế đào tạo. Người học được đảm bảo rất tốt các chế độ chính sách - xã hội, chăm sóc sức khỏe; tham gia hoạt động văn nghệ, thể dục - thể thao và có môi trường học tập, rèn luyện, sinh hoạt an toàn. Công tác tư vấn, hỗ trợ người học được quan tâm thực hiện tốt. Trường có nhiều biện pháp và thực hiện hiệu quả công tác rèn luyện chính trị, tư tưởng, đạo đức và lối sống cho người học. Trường có chính sách, biện pháp thực hiện cụ thể để hỗ trợ có hiệu quả việc học tập của người học; tạo điều kiện thuận lợi cho người học trong sinh hoạt, tham gia hoạt động bổ ích. Đặc biệt, Trường đã dành kinh phí đáng kể cho SV đi giao lưu quốc tế và NCKH. Trường có quy định, tổ chức với nhiều hình thức đa dạng đảm bảo thực hiện thường xuyên việc tuyên truyền, giáo dục đạo đức, lối sống, tinh thần trách nhiệm, ý thức tôn trọng luật pháp, chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước, nội quy của Trường. Các đơn vị, cá nhân trong toàn Trường có nhận thức rõ về trách nhiệm trong việc hỗ trợ SVTN có việc làm phù hợp ngành đào tạo. Trường có sự gắn kết với doanh nghiệp, các NSDLĐ, mạng lưới cựu SV trong việc tăng tỷ lệ người tốt nghiệp có việc làm phù hợp với ngành nghề đào tạo. Sinh viên tốt nghiệp của Trường có khả năng tìm việc làm và tỷ lệ SVTN có việc làm đạt bình quân hơn 76%. Trường có nhiều hoạt động nâng cao khả năng tìm việc làm cho SVTN. Người học được khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi để đánh giá chất lượng giảng dạy và chất lượng CTĐT. Công tác lấy ý kiến người học được thực hiện theo quy định và đã được thực hiện trực tuyến.

b) Tôn tại

Chưa thực hiện khảo sát lấy ý kiến người học về công tác rèn luyện chính trị, tư tưởng, đạo đức lối sống. Chưa đủ nguồn lực để đáp ứng nhu cầu hỗ trợ đa dạng của người học. Hiệu quả của hoạt động tuyên truyền, giáo dục cho người học chưa được đánh giá một cách toàn diện. Các đơn vị, cá nhân trong toàn Trường có nhận thức rõ về trách nhiệm trong việc hỗ trợ SVTN có việc làm phù hợp ngành đào tạo. Công tác khảo sát tình hình việc làm SVTN trước năm học 2015-2016 chưa được thực hiện toàn diện và đồng bộ. Một số người học chưa quan tâm thực hiện việc cho ý kiến đánh giá chất lượng giảng dạy của GV khi kết thúc học phần. Chưa thực hiện hoạt động lấy ý kiến người học hình thức giáo dục thường xuyên.

c) Kế hoạch hành động

Trường tiếp tục phát huy các hình thức phổ biến và hướng dẫn cho người học đầy đủ về CTĐT, kiểm tra đánh giá và Quy chế đào tạo; thực hiện tốt việc đảm bảo chế độ chính sách xã hội, chăm sóc sức khỏe, tạo điều kiện tham gia các hoạt động văn nghệ, thể dục thể thao và đảm bảo an toàn cho người học.

Từ năm học 2017-2018, Trường sẽ tổ chức khảo sát ý kiến của người học đối với công tác rèn luyện chính trị, tư tưởng, đạo đức và lối sống; tổ chức khảo sát, đánh giá chất lượng và nhu cầu hỗ trợ học tập và sinh hoạt của người học; khai thác nguồn lực xã hội để tổ chức thực hiện các hoạt động hỗ trợ người học; thực hiện đánh giá toàn diện hiệu quả công tác tuyên truyền, giáo dục người học; tiếp tục tuyên truyền, giáo dục đạo đức, lối sống lành mạnh, tinh thần trách nhiệm, tôn trọng luật pháp, chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước và các nội quy của Trường cho người học; đưa nội dung khởi nghiệp vào CTĐT; thực hiện đồng bộ các hoạt động tư vấn, hỗ trợ người học có việc làm phù hợp ngành đào tạo trước và sau khi tốt nghiệp; tăng cường các hoạt động liên kết với doanh nghiệp và NSDLĐ; tiếp tục thực hiện khảo sát tình hình việc làm SVTN định kỳ, toàn diện và đồng bộ; đưa nội dung khởi nghiệp vào CTĐT; tiếp tục duy trì việc phối hợp với các doanh nghiệp, nhà tuyển dụng thực hiện tư vấn việc làm cho SV; củng cố và phát triển mối quan hệ với NSDLĐ và SVTN; tiếp tục tuyên truyền đến người học nhằm nâng cao nhận thức về tầm quan trọng của việc lấy ý kiến người học và tiếp tục cải tiến nội dung lấy ý kiến người học; triển khai công tác lấy ý kiến người học hình thức giáo dục thường xuyên.

Số tiêu chí đạt yêu cầu: 9/9; số tiêu chí chưa đạt yêu cầu: 0/9

Tiêu chuẩn 7: Nghiên cứu khoa học, ứng dụng, phát triển và chuyển giao công nghệ (7 tiêu chí)

a) Điểm mạnh

Trường xây dựng và triển khai kế hoạch hoạt động KH&CN dựa trên những

lĩnh vực ưu tiên cụ thể phù hợp với sứ mệnh đóng góp hữu hiệu vào phát triển khoa học phục vụ phát triển KT-XH vùng và quốc gia, là nhân tố có ảnh hưởng đến sự phát triển của vùng ĐBSCL. Đặc biệt, Trường đã xây dựng được các nhóm nghiên cứu chuyên sâu. Trường có quy định, hướng dẫn và giám sát tiến độ thực hiện và nghiệm thu đề tài, dự án NCKH theo kế hoạch cũng như chính sách thúc đẩy việc thực hiện đúng thời gian quy định. Số lượng bài báo đăng trên các tạp chí chuyên ngành trong nước và quốc tế vượt hơn với số đề tài NCKH; các công trình công bố trên tạp chí ISI tăng hằng năm; phù hợp với định hướng nghiên cứu theo các lĩnh vực ưu tiên và phát triển của Trường. Hoạt động NCKH và phát triển công nghệ của Trường có những đóng góp mới cho khoa học; trực tiếp giải quyết những vấn đề thực tiễn của địa phương, qua đó góp phần phát triển KT-XH của vùng ĐBSCL. Nguồn thu từ NCKH và CGCN cao hơn nhiều lần so với kinh phí của Trường dành cho hoạt động NCKH và được đa dạng hóa. Hoạt động NCKH và phát triển công nghệ hỗ trợ thiết thực hoạt động đào tạo, gắn kết với các viện/trường, doanh nghiệp trong và ngoài nước, góp phần phát triển nhân lực, tài chính và CSVN của Trường. Trường đã quy định về tiêu chuẩn năng lực và đạo đức trong công tác NCKH; thông tin về công tác SHTT đến cán bộ và người học; có các biện pháp bảo hộ và thực thi quyền SHTT.

b) Tồn tại

Việc thực hiện kế hoạch hoạt động KH&CN chưa đồng đều giữa các đơn vị và 05 lĩnh vực ưu tiên do hạn chế về cán bộ đầu đàn, điều kiện và nhu cầu NCKH của địa phương, doanh nghiệp và hợp tác quốc tế. Còn một số ít đề tài, dự án NCKH nghiệm thu trễ hạn hoặc không tiếp tục thực hiện theo kế hoạch. Số bài báo đăng trên tạp chí chưa đồng đều giữa các lĩnh vực do số hoạt động KH&CN có sự chênh lệch giữa các đơn vị, chủ yếu tập trung ở một số lĩnh vực nhà trường có thế mạnh. Số công trình NCKH đăng ký để được cấp quyền SHTT chưa nhiều do số lượng công trình có tính mới, bí quyết, NCKH cơ bản chưa nhiều và sự quan tâm của các nhà khoa học về quyền SHTT còn hạn chế. Nguồn thu từ hợp đồng CGCN có hạn nên chưa đóng góp đủ 5% nguồn thu hợp pháp cho hoạt động KH&CN. Trường chưa có được nhiều nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cao do chưa có nhiều kinh nghiệm trong xây dựng đề xuất, thuyết minh và tham gia tuyển chọn. Chưa có quy định riêng về đạo đức trong hoạt động KH&CN.

c) Kế hoạch hành động

Từ năm học 2017-2018, Trường cân đối đào tạo nguồn nhân lực, tiếp tục thực hiện kế hoạch hoạt động KH&CN và chú trọng đẩy mạnh hoạt động NCKH ở những đơn vị, những lĩnh vực ưu tiên chưa mạnh; tập trung thực hiện các đề tài, dự án NCKH tạo ra các sản phẩm có tính thương mại hóa và ứng dụng hiệu quả vào thực tiễn sản xuất hoặc tạo nền tảng cho các nhiệm vụ KH&CN cấp cao; thực

hiện các biện pháp xử lý trách nhiệm đối với các đề tài, dự án NCKH nghiệm thu trễ hạn hoặc không tiếp tục thực hiện theo kế hoạch; tiếp tục đầu tư, hỗ trợ các cá nhân và đơn vị có hoạt động KH&CN còn hạn chế, để đảm bảo có số lượng đề tài, bài báo đồng đều giữa các lĩnh vực; tăng cường khuyến khích công bố trên các tạp chí quốc tế chất lượng cao, đáp ứng định hướng trường đại học nghiên cứu; tiếp tục thực hiện chuyển giao, ứng dụng các kết quả nghiên cứu theo địa chỉ, đến địa bàn cấp huyện; thúc đẩy thực hiện đăng ký nhãn hiệu, bản quyền, sáng chế, giải pháp hữu ích SHTT thông qua việc phát triển nhóm nghiên cứu và tham gia tuyển chọn các chương trình KH&CN trọng điểm cấp quốc gia và Nhà nước, các chương trình, dự án, đề tài HTQT, đẩy mạnh NCKH cơ bản; tiếp tục tiếp cận, giới thiệu các kết quả nghiên cứu đến các doanh nghiệp và địa phương, tăng cường liên kết NCKH với doanh nghiệp để tiếp tục tăng nguồn thu từ hoạt động NCKH và phát triển nguồn thu từ hợp đồng CGCN; tiếp tục đẩy mạnh gắn NCKH với đào tạo, gắn kết hiệu quả hợp tác với các viện nghiên cứu, trường đại học và doanh nghiệp trong và ngoài nước; gắn kết hoạt động NCKH và phát triển công nghệ với các nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cao. Tập huấn, rèn luyện kỹ năng xây dựng đề xuất và thuyết minh đề tài, dự án KH&CN đạt chất lượng cao; sẽ xây dựng và ban hành quy định riêng về đạo đức trong hoạt động KH&CN; tăng cường phổ biến và tập huấn, hướng dẫn về quyền SHTT.

Số tiêu chí đạt yêu cầu: 7/7; số tiêu chí chưa đạt yêu cầu: 0/7

Tiêu chuẩn 8. Hoạt động Hợp tác quốc tế (3 tiêu chí)

a) Điểm mạnh

Trường nghiêm túc thực hiện các quy định của pháp luật và chủ động xây dựng quy trình/quy định hoạt động HTQT phù hợp với mục tiêu thúc đẩy hợp tác quốc tế của Trường; đảm bảo các quy định về an ninh đối ngoại. Hoạt động HTQT được định kỳ đánh giá và điều chỉnh để phù hợp với yêu cầu phát triển của Trường và quy định của Nhà nước. Trường có nhiều hoạt động HTQT góp phần nâng cao hiệu quả đào tạo, trao đổi học thuật, trao đổi GV và người học, tham quan khảo sát; góp phần nâng cấp CSVC, trang thiết bị, nâng cao chất lượng đào tạo và vị thế của Trường. Số lượng lớn cán bộ, GV được đi học tập, trao đổi ở nước ngoài xuất phát từ các dự án hợp tác, các mối quan hệ của cá nhân và đơn vị trong Trường; là lực lượng nòng cốt cho sự phát triển của Trường. Hoạt động HTQT của Trường còn hỗ trợ tích cực cho việc đào tạo cán bộ trình độ cao của vùng ĐBSCL. Các hoạt động HTQT về NCKH giúp Trường xây dựng được một lực lượng cán bộ khoa học đầu đàn đủ đáp ứng các yêu cầu và nhiệm vụ KH&CN; trở thành một địa chỉ tin cậy cho các hoạt động hợp tác quốc tế về NCKH hỗ trợ sự phát triển bền vững của quốc gia và khu vực.

b) Tồn tại

Trường chưa có quy chế phối hợp giữa các đơn vị trong Trường về hoạt động tiếp nhận SV quốc tế. Số CTĐT liên kết và đào tạo quốc tế; số SV tham gia các chương trình trao đổi còn hạn chế. Hoạt động hợp tác quốc tế về NCKH chưa đồng đều giữa các đơn vị. Một số lĩnh vực còn thiếu cán bộ khoa học đầu đàn có uy tín quốc tế làm đối tác trong các hoạt động hợp tác nghiên cứu.

c) Kế hoạch hành động

Từ năm học 2017 - 2018, Trường xây dựng quy chế phối hợp giữa các đơn vị trong Trường về hoạt động tiếp nhận SV quốc tế. Tiếp tục cải tiến các quy định/quy trình trong công tác HTQT để nâng cao hiệu quả; mở thêm các CTĐT liên kết và đào tạo quốc tế phù hợp với thế mạnh của Trường và đặc thù của vùng ĐBSCL, tăng cường công tác trao đổi sinh viên; phát triển đội ngũ cán bộ khoa học đầu đàn, trao đổi kinh nghiệm hợp tác quốc tế về NCKH ở những lĩnh vực còn hạn chế.

Số tiêu chí đạt yêu cầu: 3/3; số tiêu chí chưa đạt yêu cầu: 0/3

Tiêu chuẩn 9. Thư viện, trang thiết bị học tập và cơ sở vật chất khác (9 tiêu chí)

a) Điểm mạnh

Trường có hệ thống thư viện và cơ sở dữ liệu (CSDL) điện tử hiện đại với nguồn tài liệu đa dạng, phong phú, đáp ứng đầy đủ nhu cầu học tập và nghiên cứu của cán bộ, GV, SV, học viên, nghiên cứu sinh; phương thức phục vụ chuyên nghiệp, hiệu quả; thường xuyên ứng dụng các công nghệ mới trong quản lý và chuyên môn. Các hoạt động trao đổi, hợp tác với các tổ chức, viện/trường trong và ngoài nước được thực hiện tốt đã góp phần tăng cường nguồn lực tài nguyên thông tin, nâng cao năng lực chuyên môn. Trường có đủ phòng học, giảng đường, PTH, PTN, đáp ứng nhu cầu dạy, học và NCKH của các ngành đào tạo cũng như phát triển ngành học và bậc học mới. CSVC được sử dụng hiệu quả nhờ khai thác tốt đặc điểm của trường đa ngành. Trường có đủ các phương tiện, trang thiết bị cần thiết để phục vụ hoạt động giảng dạy, học tập và NCKH cho các ngành đào tạo. Công tác quản lý, sử dụng, bảo trì sửa chữa trang thiết bị được thực hiện thường xuyên đảm bảo an toàn và hiệu quả. Hạ tầng CNTT-TT của Trường hiện đại, không ngừng được nâng cấp, mở rộng và nâng cao hiệu quả các hoạt động dạy và học, NCKH và quản lý. Hệ thống phần mềm quản lý tích hợp được Trường tự xây dựng và phát triển liên tục trong nhiều năm qua. Tất cả cán bộ và người học được cấp địa chỉ hộp thư điện tử, và có tài khoản máy tính để sử dụng các ứng dụng và dịch vụ trực tuyến của Trường. Hệ thống máy tính được kết nối bằng thông rộng và hệ thống mạng Wifi phủ sóng phần lớn khuôn viên Trường, giúp đáp ứng các nhu

cầu sử dụng. Diện tích sàn xây dựng phục vụ trực tiếp cho đào tạo vượt quy định của Bộ GD&ĐT. Trường có đủ phòng học, cơ sở thực hành, thí nghiệm đáp ứng nhu cầu đào tạo và đạt được sự hài lòng cao từ người học và GV. Hệ thống KTX đáp ứng đầy đủ nhu cầu nội trú của SV. Khu sân bãi và trang thiết bị phục vụ cho các hoạt động văn hóa - nghệ thuật, thể dục thể thao đa dạng và phân bố hợp lý, đáp ứng tốt nhu cầu của SV. Trường có đủ phòng làm việc riêng và phòng làm việc cho cán bộ lãnh đạo, GV, nhân viên cơ hữu và phòng sinh hoạt học thuật cho GV và NCS. Các phòng làm việc được sắp xếp và bố trí hợp lý, đảm bảo trang thiết bị, không gian và môi trường làm việc tốt. Trường có đủ diện tích sử dụng đất theo quy định TCVN 3981-85 và sử dụng đất đúng mục đích cho đào tạo và nghiên cứu; có quy hoạch tổng thể về sử dụng và phát triển CSVC đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; có quy định và biện pháp hữu hiệu bảo vệ tài sản, trật tự, an toàn, an ninh cho cán bộ quản lý, GV, nhân viên và người học; có quy chế phối hợp với Công an Thành phố Cần Thơ trong công tác bảo vệ an ninh trật tự và phương án PCCC được phê duyệt.

b) Tồn tại

Một số phòng học, PTN còn bố trí tại nhà cấp IV đã xuống cấp. Trang thiết bị phục vụ NCKH chuyên sâu còn chưa đáp ứng được nhu cầu. Một số trang thiết bị phục vụ đào tạo và NCKH chưa theo kịp trình độ KH&CN. Hệ thống mạng Wifi còn xảy ra hiện tượng nghẽn cục bộ tại một số điểm và thời điểm nhất định do số lượng người dùng sử dụng tăng đột biến. Trường chưa bố trí được phòng làm việc riêng cho một số phó giáo sư. Thực hiện quy hoạch tổng thể theo đề án còn chậm so với tiến độ do nguồn vốn được cấp có giới hạn. Chưa diễn tập thường xuyên phương án chữa cháy và cứu nạn cứu hộ tại cấp đơn vị.

c) Kế hoạch hành động

Trường tiếp tục đầu tư, mở rộng liên kết và nâng cao hiệu quả hoạt động của thư viện để phục vụ ngày càng tốt hơn nhu cầu thông tin. Trường đang thực hiện Dự án Nâng cấp Trường ĐHQG (giai đoạn 2016 – 2022) xây dựng thêm 55.725 m² diện tích phòng học (106 phòng), PTN (144 phòng) và cơ sở thực hành/thí nghiệm (20 nhà lưới) với đầy đủ trang thiết bị hiện đại và đồng bộ; đầu tư 02 triệu đô la nâng cấp hệ thống hạ tầng CNTT-TT, trong đó có hệ thống Wifi; mua sắm trang thiết bị trên 20 triệu đô-la Mỹ và đào tạo, bồi dưỡng về quản lý, vận hành thiết bị, an toàn PTN cho hơn 90 người tại các trường đại học Nhật Bản.

Từ năm học 2017-2018, Trường chú trọng đầu tư trang thiết bị hiện đại cho các PTN chuyên sâu thông qua các chương trình hợp tác, tài trợ, viện trợ trong và ngoài nước; đảm bảo phòng làm việc riêng phù hợp với điều kiện giảng dạy và nghiên cứu của các phó giáo sư; phối hợp với cơ quan chức năng thường niên tổ chức diễn tập phương án chữa cháy và cứu nạn cứu hộ cấp đơn vị.

Số tiêu chí đạt yêu cầu: 9/9; số tiêu chí chưa đạt yêu cầu: 0/9

Tiêu chuẩn 10: Tài chính và quản lý tài chính (3 tiêu chí)

a) Điểm mạnh

Trường đã đa dạng được nguồn thu, đặc biệt tăng nguồn thu từ hình thức giáo dục thường xuyên, NCKH, CGCN, HTQT.... Nguồn thu ổn định, đáp ứng được kinh phí cho hoạt động đào tạo và NCKH, có tích lũy hằng năm. Công tác lập kế hoạch và quản lý tài chính của Trường được chuẩn hóa và thực hiện chặt chẽ, công khai, minh bạch theo đúng quy định. Trường có quy trình phân giao và giám sát chặt chẽ nên đảm bảo kinh phí được phân bổ, sử dụng hợp lý, minh bạch và hiệu quả cho các hoạt động của Trường. Sử dụng kinh phí bám sát các tỷ lệ được phân bổ theo quy định và Quy chế Chi tiêu nội bộ.

b) Tồn tại

Giải pháp và kế hoạch tự chủ về tài chính chưa đáp ứng được nhu cầu phát triển theo “Đề án Quy hoạch phát triển tổng thể Trường ĐHCT trọng điểm đến năm 2020”. Chưa khảo sát đầy đủ ý kiến cán bộ, GV về tính hợp lý đối với việc lập kế hoạch, phân bổ và sử dụng trong hoạt động giảng dạy đặc thù của một trường đa ngành. Chưa tổ chức đánh giá chuyên sâu về sử dụng kinh phí được phân giao theo từng lĩnh vực/đơn vị.

c) Kế hoạch hành động

Từ năm học 2017-2018, Trường thực hiện kế hoạch thí điểm đổi mới cơ chế hoạt động; sử dụng hiệu quả nguồn vốn từ Dự án Nâng cấp Trường ĐHCT; tăng cường mở rộng hợp tác trong và ngoài nước bổ sung kinh phí hoạt động; tiến hành khảo sát ý kiến cán bộ, GV về lập kế hoạch, phân bổ và sử dụng kinh phí trong hoạt động giảng dạy nhằm đảm bảo tính hợp lý với đặc điểm của một trường đa ngành. Chưa tổ chức đánh giá chuyên sâu về sử dụng kinh phí được phân giao theo từng lĩnh vực/đơn vị.

Số tiêu chí đạt yêu cầu: 3/3; số tiêu chí chưa đạt yêu cầu: 0/3

TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ

Mã trường: TCT

Tên Trường: Trường Đại học Cần Thơ

Khối ngành: đa ngành

Ngày hoàn thành tự đánh giá: 26/06/2017

Các mức đánh giá: Đ: Đạt; C: Chưa đạt; KĐG: Không đánh giá

Tiêu chuẩn 1			
Tiêu chí 1.1	Đ		
Tiêu chí 1.2	Đ		
Tiêu chuẩn 2			
Tiêu chí 2.1	Đ		
Tiêu chí 2.2	Đ		
Tiêu chí 2.3	Đ		
Tiêu chí 2.4	Đ		
Tiêu chí 2.5	Đ		
Tiêu chí 2.6	Đ		
Tiêu chí 2.7	Đ		
Tiêu chuẩn 3			
Tiêu chí 3.1	Đ		
Tiêu chí 3.2	Đ		
Tiêu chí 3.3	Đ		
Tiêu chí 3.4	Đ		
Tiêu chí 3.5	Đ		
Tiêu chí 3.6	Đ		
Tiêu chuẩn 4			
Tiêu chí 4.1	Đ		
Tiêu chí 4.2	Đ		
Tiêu chí 4.3	Đ		
Tiêu chí 4.4	Đ		
Tiêu chí 4.5	Đ		
Tiêu chí 4.6	Đ		
Tiêu chí 4.7	Đ		
Tiêu chuẩn 5			
Tiêu chí 5.1	Đ		
Tiêu chí 5.2	Đ		
Tiêu chí 5.3	Đ		
Tiêu chí 5.4	Đ		
Tiêu chí 5.5	Đ		
Tiêu chí 5.6	Đ		
Tiêu chí 5.7	Đ		
Tiêu chí 5.8	Đ		

Tiêu chuẩn 6			
Tiêu chí 6.1	Đ		
Tiêu chí 6.2	Đ		
Tiêu chí 6.3	Đ		
Tiêu chí 6.4	Đ		
Tiêu chí 6.5	Đ		
Tiêu chí 6.6	Đ		
Tiêu chí 6.7	Đ		
Tiêu chí 6.8	Đ		
Tiêu chí 6.9	Đ		
Tiêu chuẩn 7			
Tiêu chí 7.1	Đ		
Tiêu chí 7.2	Đ		
Tiêu chí 7.3	Đ		
Tiêu chí 7.4	Đ		
Tiêu chí 7.5	Đ		
Tiêu chí 7.6	Đ		
Tiêu chí 7.7	Đ		
Tiêu chuẩn 8			
Tiêu chí 8.1	Đ		
Tiêu chí 8.2	Đ		
Tiêu chí 8.3	Đ		
Tiêu chuẩn 9			
Tiêu chí 9.1	Đ		
Tiêu chí 9.2	Đ		
Tiêu chí 9.3	Đ		
Tiêu chí 9.4	Đ		
Tiêu chí 9.5	Đ		
Tiêu chí 9.6	Đ		
Tiêu chí 9.7	Đ		
Tiêu chí 9.8	Đ		
Tiêu chí 9.9	Đ		
Tiêu chuẩn 10			
Tiêu chí 10.1	Đ		
Tiêu chí 10.2	Đ		
Tiêu chí 10.3	Đ		

Tổng hợp:

- Số tiêu chuẩn có ít nhất 1 tiêu chí đạt: **10**; Số tiêu chí đạt: **61 (chiếm 100%)**;
- Số tiêu chí chưa đạt: **0 (chiếm 0%)**; Số tiêu chí không đánh giá: **0 (chiếm 0%)**.

Cần Thơ, ngày tháng năm 2017

HIỆU TRƯỞNG

(Đã ký)

Hà Thanh Toàn